

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Kinh tế học đại cương
- Mã số học phần: 19111
- Số tín chỉ học phần : 3 tín chỉ
- Thuộc chương trình đào tạo của bậc, ngành: Bậc Đại học Chính quy, VB II, VHVL, LT
- Số tiết học phần:
  - Lên lớp: 45 tiết
  - Sinh viên tự học: 135 giờ
- Học phần tiên quyết:

### 2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

- CO1. Hiểu các vấn đề cơ bản của kinh tế học
- CO2. Hiểu cách thức thị trường hoạt động và các ứng dụng của nó
- CO3. Hiểu cách thức giá cả được hình thành trong các cơ cấu thị trường khác nhau
- CO4. Đánh giá được tình hình hoạt động của nền kinh tế dựa vào các chỉ số kinh tế vĩ mô
- CO5. Đánh giá tác động của chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ đến hoạt động của nền kinh tế
- CO6. Ứng dụng lý thuyết kinh tế trong các vấn đề thực tế.

### 3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

- Kiến thức:

Chuẩn Đầu Ra Học Phần	Nội dung	Đáp ứng Chuẩn Đầu Ra Chương Trình Đào Tạo
CELO1	Khái niệm cơ bản của kinh tế vi mô và vĩ mô	LO1, LO2
CELO2	Các vấn đề cơ bản của cung cầu và thị trường	

CELO3	Lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng	
CELO4	Lý thuyết sản xuất và chi phí	
CELO5	Cách tính sản lượng quốc gia	
CELO6	Lý thuyết xác định sản lượng quốc gia	
CELO7	Chính sách tài khóa và chính sách ngoại thương	
CELO8	Tiền tệ - Ngân hàng và chính sách tiền tệ	
CELO9	Lạm phát và thất nghiệp	
CELO10	Phân tích vĩ mô trong nền kinh tế mở	

**- Kỹ năng:**

<b>Chuẩn Đầu Ra Học Phần</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đáp ứng Chuẩn Đầu Ra Chương Trình Đào Tạo</b>
CELO11	Xác định đúng các hoạt động kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô	LO4, LO5 LO6, LO7
CELO12	Phân tích được sự thay đổi trong trạng thái cân bằng của thị trường, ứng dụng của độ co giãn, các chính sách của chính phủ	LO8, LO8 LO10
CELO13	Phân tích được sự lựa chọn tối ưu của người tiêu dùng được thực hiện như thế nào trong từng trường hợp cụ thể	
CELO14	Phân tích được hiệu quả sản xuất tối ưu của công ty được thực hiện như thế nào trong từng trường hợp cụ thể, thiết lập được	

	đường đẳng phí	
CELO15	Đánh giá được tình hình hoạt động của nền kinh tế dựa vào các chỉ số kinh tế vĩ mô	
CELO16	Mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như sản lượng (GDP, GNP,...), tỷ lệ lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp	
CELO17	Đánh giá tác động của chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ đến hoạt động của nền kinh tế	
CELO18	Ứng dụng các mô hình kinh tế đơn giản sẽ giúp chúng ta giải thích các mối quan hệ giữa các biến số kinh tế vĩ mô, chẳng hạn như mối quan hệ của ngân sách chính phủ với tăng trưởng kinh tế và lạm phát, hoặc giữa cung tiền với lãi suất và tỷ giá hối đoái	
CELO19	Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề kinh tế	
CELO20	Nâng cao kỹ năng tự học	

**- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

<b>Chuẩn Đầu Ra Học Phần</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đáp ứng Chuẩn Đầu Ra Chương Trình Đào Tạo</b>
CELO21	Chuẩn bị bài trước khi đến lớp	LO11, LO12

CELO22	Tổng hợp nội dung đã học sau khi kết thúc mỗi chương	LO13, LO14
CELO23	Tuân thủ theo các yêu cầu của giảng viên và của nhà trường	LO15, LO16
CELO24	Không có hành vi gian dối trong quá trình học như sao chép, đạo văn	

#### 4. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN:

##### 4.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Kinh tế học đại cương nghiên cứu sự vận hành của nền kinh tế và cách thức ứng xử của từng thành viên trong nền kinh tế trên cả giác độ vi mô lẫn vĩ mô. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về: lý thuyết cầu, cung và cơ chế hình thành giá cả trên thị trường; lý thuyết hành vi người tiêu dùng và người sản xuất. Bên cạnh đó, học phần còn giúp người học có những hiểu biết về sự vận động và mối quan hệ giữa các khu vực trong nền kinh tế tổng thể như thị trường hàng hóa, thị trường tiền tệ, thị trường lao động và thị trường ngoại hối; giới thiệu một số chính sách vĩ mô cơ bản của Chính phủ trong điều tiết kinh tế của một quốc gia..

##### 4.2. Nội dung học phần:

STT	Nội dung	Số tiết				TL TH	CĐR	Lưu ý
		TC	L T	BT	T H			
1.	<b>1. Nhập môn về kinh tế học</b> 1.1 Khái niệm về Kinh tế học 1.1.1 Quy luật khan hiếm, sự lựa chọn và chi phí cơ hội. 1.1.2 Kinh tế học là gì? 1.1.3 Kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô. 1.1.4 Kinh tế học thực chứng và kinh tế học chuẩn tắc. 1.2 Ba vấn đề cơ bản của tổ chức kinh tế và các mô hình kinh tế . 1.3 Đường giới hạn khả năng sản xuất. 1.4 Sơ đồ chu chuyển của hoạt động kinh tế	4	2	2		12	CELO1 CELO11 CELO20 CELO21 CELO22 CELO23 CELO24	

<p><b>2. Cầu, cung và cân bằng thị trường</b></p> <p>2.1 Cầu</p> <p>2.1.1 Khái niệm</p> <p>2.1.2 Biểu cầu, hàm số cầu, đường cầu</p> <p>2.1.3 Quy luật cầu</p> <p>2.2 Cung</p> <p>2.2.1 Khái niệm</p> <p>2.2.2 Biểu cung, hàm số cung, đường cung</p> <p>2.2.3 Quy luật cung</p> <p>2.3 Trạng thái cân bằng của thị trường.</p> <p>2.4 Sự thay đổi của trạng thái cân bằng thị trường</p> <p>2.4.1 Sự thay đổi của cầu và thay đổi của cung</p> <p>2.4.2 Các trường hợp cụ thể của thay đổi trạng thái cân bằng thị trường</p> <p>2.5 Độ co giãn của cầu và độ co giãn của cung</p> <p>2.5.1 Độ co giãn của cầu.</p> <p>* Độ co giãn của cầu theo giá.</p> <p>* Độ co giãn của cầu theo thu nhập.</p> <p>* Độ co giãn chéo của cầu.</p> <p>2.5.2 Độ co giãn của cung</p> <p>2.6 Sự can thiệp của chính phủ vào thị trường (Vận dụng cung cầu)</p> <p>2.6.1 Sự can thiệp trực tiếp của chính phủ: giá trần và giá sàn</p> <p>2.6.2 Sự can thiệp gián tiếp của chính phủ: thuế và trợ cấp.</p>	8	4	4		24	<p>CELO2</p> <p>CELO12</p> <p>CELO20</p> <p>CELO21</p> <p>CELO22</p> <p>CELO23</p> <p>CELO24</p>
<p><b>3. Lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng</b></p> <p>- 3.1 Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng ( hay cân bằng tiêu dùng) dựa vào thuyết hữu dụng</p> <p>3.1.1 Hữu dụng, tổng hữu dụng , hữu dụng biên</p> <p>3.1.2 Quy luật hữu dụng biên giảm dần</p> <p>3.1.3 Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng</p> <p>- 3.2 Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng ( hay cân bằng tiêu dùng) bằng hình học</p> <p>3.2.1 Ba giả thiết cơ bản về sở thích của người tiêu dùng</p> <p>3.2.2 Đường đẳng ích</p> <p>3.2.3. Đường ngân sách</p> <p>3.2.4 Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng</p> <p>- 3.3 Sự hình thành đường cầu thị trường</p>	4	2	2		12	<p>CELO3</p> <p>CELO13</p> <p>CELO20</p> <p>CELO21</p> <p>CELO22</p> <p>CELO23</p> <p>CELO24</p>

	<p>3.3.1 Đường giá cả – tiêu dùng và đường cầu cá nhân</p> <p>3.3.2 Đường cầu thị trường</p> <p>- 3.4 Đường thu nhập – tiêu dùng và đường Engel - Hàng hoá thông thường và hàng cấp thấp</p>							
4.	<p><b>4.Lý thuyết sản xuất và chi phí</b></p> <p>- 4.1 . Hàm sản xuất</p> <p>- 4.2 Sản xuất với một đầu vào biến đổi</p> <p>4.2.1 Tổng sản phẩm, năng suất trung bình và năng suất biên</p> <p>4.2.2 Quy luật năng suất biên giảm dần</p> <p>- 4.3 Sản xuất với hai đầu vào biến đổi</p> <p>4.3.1 Đường đẳng lượng</p> <p>4.3.2 Đường đẳng phí</p> <p>4.3.3 Phối hợp tối ưu các yếu tố sản xuất</p> <p>4.3.4 Vấn đề hiệu suất theo quy mô</p> <p>- 4.4 Chi phí kế toán, Chi phí cơ hội, Chi phí kinh tế, Chi phí hiện, Chi phí ẩn</p> <p>- 4.5 Các chỉ tiêu chi phí ngắn hạn.</p> <p>4.5.1 Các chỉ tiêu chi phí tổng: Tổng chi phí cố định, Tổng chi phí biến đổi và Tổng chi phí</p> <p>4.5.2 Các chỉ tiêu chi phí đơn vị: Chi phí cố định trung bình, Chi phí biến đổi trung bình và Chi phí trung bình.</p> <p>4.5.3 Chi phí biên</p> <p>- 4.6 Các chỉ tiêu chi phí dài hạn.</p> <p>4.6.1 Chi phí trung bình dài hạn</p> <p>4.6.2 Chi phí biên dài hạn.</p> <p>- 4.7 Mối quan hệ giữa chi phí ngắn hạn và chi phí dài hạn</p> <p>- 4.8 Quy mô sản xuất tối ưu.</p>	4	2	2		12	<p>CELO4</p> <p>CELO14</p> <p>CELO20</p> <p>CELO21</p> <p>CELO22</p> <p>CELO23</p> <p>CELO24</p>	
5.	<p><b>5. Cách tính sản lượng quốc gia</b></p> <p>- 5.1 Các vấn đề cơ bản</p> <p>- 5.2 Dòng chu chuyển kinh tế</p> <p>- 5.3 Các chỉ tiêu trong hệ thống SNA</p> <p>- 5.4 Các đồng nhất thức vĩ mô căn bản</p>	4	2	2		12	<p>CELO5</p> <p>CELO15</p> <p>CELO20</p> <p>CELO21</p> <p>CELO22</p> <p>CELO23</p> <p>CELO24</p>	

6.	<b>6. Lý thuyết xác định sản lượng quốc gia</b> - 6.1 Các thành phần của tổng cầu - 6.2 Xác định sản lượng cân bằng quốc gia - 6.3 Mô hình số nhân - 6.4 Nghịch lý của tiết kiệm	4	2	2		12	CELO6 CELO16 CELO20 CELO21 CELO22 CELO23 CELO24
7.	<b>7. Chính sách tài khóa và chính sách ngoại thương</b> - 7.1 Chính sách tài khóa - 7.2 Chính sách ngoại thương	4	2	2		12	CELO7 CELO17 CELO20 CELO21 CELO22 CELO23 CELO24
8.	<b>8. Tiền tệ - Ngân hàng và chính sách tiền tệ</b> - 8.1 Tiền tệ và hoạt động của ngân hàng - 8.2 Thị trường tiền tệ 8.3 Chính sách tiền tệ	4	2	2		12	CELO8 CELO17 CELO20 CELO21 CELO22 CELO23 CELO24
9.	<b>9. Lạm phát và thất nghiệp</b> - 9.1 Lạm phát - 9.2 Thất nghiệp 9.3 Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp	4	2	2		12	CELO9 CELO18 CELO20 CELO21 CELO22 CELO23 CELO24 CELO23
10.	<b>10. Phân tích vĩ mô trong nền kinh tế mở</b> - 10.1 Thị trường ngoại - 10.2 Cán cân thanh toán 10.3 Tác động của các chính sách vĩ mô trong nền kinh tế mở	4	2	2		12	CELO10 CELO19 CELO20 CELO21 CELO22 CELO23 CELO24
11.	<b>Ôn tập - Dự trữ</b> Tổng kết lại nội dung cần nắm Giải quyết được bài tập Làm câu hỏi trắc nghiệm áp dụng	1	1			3	

## 5. NHIỆM VỤ CỦA SINH VIÊN:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết;
- Thực hiện đầy đủ các bài tập, kỹ năng, thực hành và được đánh giá kết quả thực hiện;
- Tham dự kiểm tra trên học kỳ;
- Tham dự thi kết thúc học phần;
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
  - Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 11 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
  - Phần thảo luận được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm, mỗi nhóm tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau:
    - + Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.
    - + Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)
  - Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
  - Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.

## 6. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN:

### 6.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	80% tổng số tiết	10%	CO1, CO2, CO3, CO4; CO5; CO6
2	Điểm bài tập	80% tổng số bài tập được giao	10%	CO1, CO2, CO3, CO4; CO5; CO6

3	Điểm kỹ năng - thực hành	80% các kỹ năng và thực hành	10%	CO1, CO2, CO3, CO4; CO5; CO6
4	Điểm kiểm tra quá trình	Đánh giá qua các tiêu chí (công khai) bao gồm: thông tin về kiến thức trọng tâm, kiến thức sâu, kiến thức mở rộng, ....	10%	CO1, CO2, CO3, CO4; CO5; CO6
5	Điểm thi kết thúc học phần	Đánh giá qua các tiêu chí (công khai) bao gồm: thông tin về kiến thức trọng tâm, kiến thức sâu, kiến thức mở rộng....	60%	CO1, CO2, CO3, CO4; CO5; CO6

## 6.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 0.5.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân.

## 7. TÀI LIỆU HỌC TẬP:

### 7.1. Giáo trình chính:

[1] Lê Bảo Lâm (2019). Kinh tế vi mô. Nhà xuất bản kinh tế TpHCM.

[2] Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung. (2017). Kinh tế vĩ mô. NXB Kinh tế TP.HCM

[3] Bài giảng của giảng viên

### 7.2. Tài liệu tham khảo:

[4] David Begg, Stanley Fischer và Rudiger Dornbusch (2007). Kinh tế học. Tái bản lần thứ tám của Nhà xuất bản Mc Graw Hill, bản dịch tiếng Việt của Nhà xuất bản Thống kê.

[5] Damian Ward, David Begg (2007). Bài tập kinh tế học. Tái bản lần thứ tám của Nhà xuất bản Mc Graw Hill, bản dịch tiếng Việt của Nhà xuất bản Thống kê.

[6] Robert C. Guell (2009). Kinh tế vi mô. NXB Đồng Nai.

[7] Robert S. Pindyck - Daniel L. Rubinfeld (2015). Kinh tế học vi mô. Nhà xuất bản: Kinh Tế TP. HCM.

[8] Nguyễn Văn Luân (2001). Kinh tế học đại cương. NXB Đại học quốc gia Tp.HCM.

[9] Nguyễn Thái Thảo Vy. (2009). Kinh tế học vĩ mô. NXB Tài Chính

[10] Trần Văn Hùng (1999). Giáo trình kinh tế vĩ mô. NXB Giáo dục

### 7.3. Tài liệu trực tuyến:

- Khoa Cơ bản - Trường đại học Phan Thiết <http://fbs.upt.edu.vn/>

## 8. TỔ CHỨC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP:

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

## 9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Buổi/ Tiết	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên	Tài liệu/ Giáo trình		Ghi chú (nội dung tự học)
				Chính	Tham khảo	
1 (4 tiết)	<p><b>Chương 1: Nhập môn về kinh tế học</b></p> <p>1.1 Khái niệm về Kinh tế học</p> <p>1.1.1 Quy luật khan hiếm, sự lựa chọn và chi phí cơ hội.</p> <p>1.1.2 Kinh tế học là gì?</p> <p>1.1.3 Kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô.</p> <p>1.1.4 Kinh tế học thực chứng và kinh tế học chuẩn tắc.</p> <p>1.2 Ba vấn đề cơ bản của tổ chức kinh tế và các mô hình kinh tế .</p> <p>1.3 Đường giới hạn khả năng sản xuất.</p> <p>1.4 Sơ đồ chu chuyển của hoạt động kinh tế</p>	<p>Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)</p> <p>Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng</p>	<p>Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập</p> <p>Ghi chú</p> <p>Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại)</p>	[1] [3]	[4] [5] [6] [7] [8]	
2 (5 tiết)	<p><b>Chương 2: Cầu, cung và cân bằng thị trường</b></p> <p>2.1 Cầu</p> <p>2.1.1 Khái niệm</p> <p>2.1.2 Biểu cầu, hàm số cầu, đường cầu</p> <p>2.1.3 Quy luật cầu</p> <p>2.2 Cung</p> <p>2.2.1 Khái niệm</p> <p>2.2.2 Biểu cung, hàm số cung, đường cung</p> <p>2.2.3 Quy luật cung</p> <p>2.3 Trạng thái cân bằng của</p>	<p>Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)</p> <p>Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng</p>	<p>Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập</p> <p>Ghi chú</p> <p>Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi,</p>	[1] [3]	[4] [5] [6] [7] [8]	

	<p>thị trường.</p> <p>2.4 Sự thay đổi của trạng thái cân bằng thị trường</p> <p>2.4.1 Sự thay đổi của cầu và thay đổi của cung</p> <p>2.4.2 Các trường hợp cụ thể của thay đổi trạng thái cân bằng thị trường</p>		hỏi lại)			
3 (4 tiết)	<p>Chương 2: Cầu, cung và cân bằng thị trường (tt)</p> <p>2.5 Độ co giãn của cầu và độ co giãn của cung</p> <p>2.5.1 Độ co giãn của cầu.</p> <p>* Độ co giãn của cầu theo giá.</p> <p>* Độ co giãn của cầu theo thu nhập.</p> <p>* Độ co giãn chéo của cầu.</p> <p>2.5.2 Độ co giãn của cung</p> <p>2.6 Sự can thiệp của chính phủ vào thị trường (Vận dụng cung cầu)</p> <p>2.6.1 Sự can thiệp trực tiếp của chính phủ: giá trần và giá sàn</p> <p>2.6.2 Sự can thiệp gián tiếp của chính phủ: thuế và trợ cấp.</p>	<p>Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)</p> <p>Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng</p>	<p>Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập</p> <p>Ghi chú</p> <p>Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại)</p>	[1] [3]	[4] [5] [6] [7] [8]	
4 (4 tiết)	<p>Chương 3: Lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng</p> <p>3.1 Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng ( hay cân bằng tiêu dùng) dựa vào thuyết hữu dụng</p> <p>3.1.1 Hữu dụng, tổng hữu dụng, hữu dụng biên</p> <p>3.1.2 Quy luật hữu dụng biên giảm dần</p> <p>3.1.3 Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng</p> <p>3.2 Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng ( hay cân bằng tiêu dùng) bằng hình học</p> <p>3.2.1 Ba giả thiết cơ bản về sở thích của người tiêu dùng</p> <p>3.2.2 Đường đẳng ích</p> <p>3.2.3. Đường ngân sách</p> <p>3.2.4 Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng</p> <p>3.3 Sự hình thành đường cầu thị trường</p> <p>3.3.1 Đường giá cả – tiêu dùng và đường cầu cá nhân</p> <p>3.3.2 Đường cầu thị trường</p> <p>3.4 Đường thu nhập – tiêu dùng và đường Engel - Hàng hoá thông thường và hàng</p>	<p>Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)</p> <p>Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng</p>	<p>Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập</p> <p>Ghi chú</p> <p>Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại)</p>	[1] [3]	[4] [5] [6] [7] [8]	



	cấp thấp					
5 (4 tiết)	<p><b>Chương 4: Lý thuyết sản xuất và chi phí</b></p> <p>4.1 . Hàm sản xuất</p> <p>4.2 Sản xuất với một đầu vào biến đổi</p> <p>4.2.1 Tổng sản phẩm, năng suất trung bình và năng suất biên</p> <p>4.2.2 Quy luật năng suất biên giảm dần</p> <p>- 4.3 Sản xuất với hai đầu vào biến đổi</p> <p>4.3.1 Đường đẳng lượng</p> <p>4.3.2 Đường đẳng phí</p> <p>4.3.3 Phối hợp tối ưu các yếu tố sản xuất</p> <p>4.3.4 Vấn đề hiệu suất theo quy mô</p> <p>4.4 Chi phí kế toán, Chi phí cơ hội, Chi phí kinh tế, Chi phí hiện, Chi phí ẩn</p> <p>.5 Các chỉ tiêu chi phí ngắn hạn.</p> <p>4.5.1 Các chỉ tiêu chi phí tổng: Tổng chi phí cố định, Tổng chi phí biến đổi và Tổng chi phí</p> <p>4.5.2 Các chỉ tiêu chi phí đơn vị: Chi phí cố định trung bình, Chi phí biến đổi trung bình và Chi phí trung bình.</p> <p>4.5.3 Chi phí biên</p> <p>4.6 Các chỉ tiêu chi phí dài hạn.</p> <p>4.6.1 Chi phí trung bình dài hạn</p> <p>4.6.2 Chi phí biên dài hạn.</p> <p>4.7 Mối quan hệ giữa chi phí ngắn hạn và chi phí dài hạn</p> <p>4.8 Quy mô sản xuất tối ưu.</p>	Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng	Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập Ghi chú Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại)	[1] [3]	[4] [5] [6] [7] [8]	
6 (4 tiết)	<p><b>5. Cách tính sản lượng quốc gia</b></p> <p>- 5.1 Các vấn đề cơ bản</p> <p>- 5.2 Dòng chu chuyển kinh tế</p> <p>- 5.3 Các chỉ tiêu trong hệ thống SNA</p> <p>5.4 Các đồng nhất thức vĩ mô căn bản</p>	Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng	Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập Ghi chú Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại)	[2] [3]	[4] [5] [6] [7] [8] [9] [10]	

7 (4 tiết)	<b>6. Lý thuyết xác định sản lượng quốc gia</b> - 6.1 Các thành phần của tổng cầu - 6.2 Xác định sản lượng cân bằng quốc gia - 6.3 Mô hình số nhân - 6.4 Nghịch lý của tiết kiệm	Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng	Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập Ghi chú Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại)	[2] [3]	[4] [5] [6] [7] [8] [9] [10]	
8 (4 tiết)	<b>7. Chính sách tài khóa và chính sách ngoại thương</b> - 7.1 Chính sách tài khóa - 7.2 Chính sách ngoại thương	Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng	Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập Ghi chú Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại)	[2] [3]	[4] [5] [6] [7] [8] [9] [10]	
9 (4 tiết)	<b>8. Tiền tệ - Ngân hàng và chính sách tiền tệ</b> - 8.1 Tiền tệ và hoạt động của ngân hàng - 8.2 Thị trường tiền tệ 8.3 Chính sách tiền tệ	Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng	Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập Ghi chú Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại)	[2] [3]	[4] [5] [6] [7] [8] [9] [10]	
10 (4 tiết)	<b>9. Lạm phát và thất nghiệp</b> - 9.1 Lạm phát - 9.2 Thất nghiệp 9.3 Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp	Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng	Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập Ghi chú Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại)	[2] [3]	[4] [5] [6] [7] [8] [9] [10]	
11	<b>10. Phân tích vĩ mô trong</b>	Thuyết	Nghe giảng	[2]	[4]	



(4 tiết)	<b>nền kinh tế mở</b> - 10.1 Thị trường ngoại - 10.2 Cán cân thanh toán 10.3 Tác động của các chính sách vĩ mô trong nền kinh tế mở	giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng	và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập Ghi chú Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại)	[3]	[5] [6] [7] [8] [9] [10]	
<b>11</b> (1 tiết)	<b>Ôn tập - Dự trữ</b> Tổng kết lại nội dung cần nắm Giải quyết được bài tập Làm câu hỏi trắc nghiệm áp dụng					

#### 10. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
- **Hình thức thi:** bài thi dài 75 phút hình thức trắc nghiệm và tự luận (không được sử dụng tài liệu)

#### 11. DỰ KIẾN DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

1. PGS. TS. Đinh Phi Hồ
2. ThS. Nguyễn Ngọc Hoa Kỳ
3. ThS. Lê Anh Linh

#### 12. THÔNG TIN LIÊN HỆ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Cơ bản
- Giảng viên phụ trách: ThS. Lê Anh Linh
- Email: [lalinh@upt.edu.vn](mailto:lalinh@upt.edu.vn)
- Điện thoại: 0938 734 350

**Trưởng khoa**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

  
ThS. Lê Anh Linh

Ngày 20 tháng 09 Năm 2019

**Người biên soạn**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

  
ThS. Lê Anh Linh